**Chương 1**

1. Thuật ngữ khoa học “kinh tế chính trị” xuất hiện lần đầu tiên vào năm nào?

1612

1608

1615

1618

2. Tác phẩm “Chuyên luận về kinh tế chính trị” của tác giả nào?

Antonie de Monchretien

William Stafford

William Petty

Thomas Mun

3. Kinh tế chính trị chính thức trở thành một môn khoa học vào thời gian nào?

Thế kỉ XVI

Thế kỉ XVII

Thế kỉ XVIII

Thế kỉ XIX

4. Lý luận kinh tế chính trị của Mác được kế thừa và phát triển trực tiếp từ thành tựu của:

Chủ nghĩa trọng thương

Chủ nghĩa trọng nông

Kinh tế chính trị cổ điển Anh

Kinh tế chính trị tiểu tư sản

5. Lý luận kinh tế chính trị của Mác và Ăngghen được thể hiện tập trung và sinh động nhất trong tác phẩm nào?

Bản thảo kinh tế

Tư bản

Hệ tư tưởng Đức

Lao động làm thuê và tư bản

6. Học thuyết nào giữ vị trí là hòn đá tảng trong toàn bộ lý luận kinh tế của Mác?

Học thuyết giá trị thặng dư

Học thuyết tích lũy

Học thuyết giá trị

Học thuyết tuần hoàn và chu chuyển tư bản

7. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: “Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin là các quan hệ xã hội của ... đặt trong mối liên hệ biện chứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của phương thức sản xuất nhất định.”

sản xuất và trao đổi

con người

người lao động

tiêu dùng và dịch vụ

8. Quy luật kinh tế là gì ?

Quy luật kinh tế là những mối liên hệ phản ánh bản chất, tất yếu, khách quan, lặp đi lặp lại của các hiện tượng tự nhiên.

Quy luật kinh tế là những mối liên hệ phản ánh bản chất, tất yếu, khách quan, lặp đi lặp lại của các hiện tượng và quá trình kinh tế.

Quy luật kinh tế là những mối liên hệ phản ánh bản chất, tất yếu, khách quan, lặp đi lặp lại của các hiện tượng xã hội.

Quy luật kinh tế là những hiện tượng và quá trình kinh tế.

9. Kinh tế chính trị Mác Lênin có các chức năng nào?

Nhận thức, thực tiễn, tư tưởng, giáo dục

Nhận thức, thực tiễn, tư tưởng, phương pháp luận

Nhận thức, thực tiễn, trừu tượng hóa, phương pháp luận

Nhận thức, thực tiễn, giáo dục, xã hội

10. Quy luật kinh tế tồn tại ...(1)..., không phụ thuộc vào ý chí của con người , con người không thể ...(2)... quy luật kinh tế, nhưng có thể ...(3)... và ...(4)... quy luật kinh tế

(1) chủ quan, (2) bỏ qua, (3) nhận thức, (4) hành động

(1) chủ quan, (2) thủ tiêu, (3) nhận thức, (4) vận dụng

(1) khách quan, (2) bỏ qua, (3) nhận thức, (4) hành động

(1) khách quan, (2) thủ tiêu, (3) nhận thức, (4) vận dụng

**Chương 2**

1. Sản xuất hàng hoá ra đời dựa trên:

Phân công của cải vật chất và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

Phân công lao động chung và chế độ sở hữu công cộng về tài sản chủ yếu

Phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất

Phân công sở thích của mỗi người trong xã hội và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu

2. Hàng hoá là:

Sản phẩm của lao động để thoả mãn nhu cầu của con người

Sản phẩm của lao động có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua mua bán

Sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn nhiều nhu cầu khác nhau của con người trong xã hội

Tất cả những gì được đem đi bán

3. Hình thức kinh tế đầu tiên của xã hội loài người là:

Kinh tế hàng hóa

Kinh tế tự nhiên

Kinh tế cá thể

Kinh tế thị trường

4. Giá trị của hàng hóa là:

Tính quý hiếm của sản phẩm

Hao phí lao động xã hội kết tinh

Mức độ được ưa chuộng của sản phẩm

Tính có ích của đồ vật

5. Chọn ý đúng:

Mọi sản phẩm của lao động đều là hàng hóa

Mọi hàng hóa đều có công dụng

Mọi sản phẩm có công dụng đều là hàng hóa

Mọi sản phẩm đều là hàng hóa

6. Tác động của quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hoá là:

Phát triển lực lượng sản xuất và phân hoá người sản xuất trong nền kinh tế

Điều tiết sản xuất, lưu thông hàng hoá

Phân hoá xã hội thành người giàu và người nghèo

Cả 3 phương án

7. Lượng giá trị của 1 đơn vị hàng hoá gồm:

Hao phí lao động quá khứ trước khi tiến hành quá trình sản xuất

Hao phí lao động kết tinh tính từ khi tiến hành quá trình sản xuất sản phẩm

Chi phí sản xuất tư bản

Hao phí lao động quá khứ và hao phí lao động mới kết tinh vào hàng hoá

8. Giá trị sử dụng của hàng hoá là

Là hao phí lao động xã hội kết tinh trong hàng hóa

Là thuộc tính tự nhiên của hàng hóa

Là hình thức biểu hiện của giá trị hàng hoá

Là công dụng của sản phẩm, có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người

9. Tính 2 mặt của lao động sản xuất hàng hoá do ai phát hiện ra?

Adam Smith

Karl Marx

Friedrich Engels

David Ricardo

10. Lao động của người sản xuất hàng hoá có tính 2 mặt là:

Lao động sống và lao động quá khứ

Lao động giản đơn và lao động phức tạp

Lao động tư nhân và lao động xã hội

Lao động cụ thể và lao động trừu tượng

2.2

1. Cơ chế thị trường là kiểu cơ chế vận hành:

Mang tính chủ quan

Mang tính khách quan

Do tác động chính sách pháp luật của nhà nước

Chủ yếu do nhà nước chi phối

2. Kinh tế thị trường là giai đoạn phát triển cao của:

Kinh tế tự nhiên

Kinh tế hàng hóa

Kinh tế tư bản chủ nghĩa

Kinh tế tư nhân

3. Nền kinh tế thị trường được vận hành theo:

Sự quyết định của các chủ thể

Tự phát

Cơ chế thị trường

Cơ chế kế hoạch hóa

4. Cơ chế thị trường là gì?

Là hệ thống các cơ chế tự chủ chi phối thị trường

Là hệ thống các quan hệ kinh tế mang đặc tính tự điều chỉnh, tự cân đối của nền kinh tế theo yêu cầu của các quy luật kinh tế

Là hệ thống các quan hệ kinh tế mang đặc tính tự điều chỉnh, tự cân đối của nền kinh tế theo yêu cầu của nhà nước

Là hệ thống các cơ chế được Nhà nước xây dựng

5. Tiêu chí để phân chia thành thị trường tự do và thị trường có điều tiết căn cứ vào:

Đối tượng hàng hóa đưa ra trao đổi, mua bán

Tính chuyên biệt của thị trường

Đầu vào, đầu ra của quá trình sản xuất

Tính chất và cơ chế vận hành của thị trường

6. Căn cứ vào phạm vi trao đổi có các loại thị trường nào?

Thị trường tiêu dùng và thị trường tư liệu sản xuất

Thị trường hàng hoá và thị trường dịch vụ

Thị trường trong và ngoài nước

Thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo

7. Luận điểm nào sau đây là không đúng:

Nền kinh tế thị trường tạo động lực cho sự sáng tạo của các chủ thể

Nền kinh tế thị trường phát huy tiềm năng của các chủ thể

Nền kinh tế thị trường không có rủi ro

Nền kinh tế thị trường tạo ra sự sử dụng hiệu quả các nguồn lực

8. Nền kinh tế hỗn hợp là nền kinh tế:

Kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước

Kinh tế hàng hoá nhiều thành phần

Kinh tế xã hội chủ nghĩa

Kinh tế tư bản chủ nghĩa

9. Đâu là một trong những khuyết tập của kinh tế thị trường:

Nền Kinh tế thị trường không tự khắc phục xu hướng cạn kiệt tài nguyên không thể tái tạo, suy thoái môi trường tự nhiên và xã hội.

Điều tiết sản suất và lưu thông.

Làm xói mòn quyền lực của Nhà nước.

Chứa đựng sự ổn định mang tính tự phát.

10. Quan niệm: “Thị trường là nơi diễn ra hành vi trao đổi, mua bán hàng hóa giữa các chủ thể kinh tế với nhau” là quan niệm theo:

Nghĩa rộng

Nghĩa chung nhất

Nghĩa hẹp

Nghĩa tổng quát

2.3

1. Một trong những tác động tích cực của quy luật giá trị là:

Người sản xuất có thể sản xuất nhiều loại hàng hóa

Người tiêu dùng có thể mua được nhiều hàng

Người tiêu dùng ngày càng giàu có

Lực lượng sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng

2. Một trong những tác động tiêu cực của quy luật giá trị là:

Gia tăng phân hóa giàu nghèo

Người tiêu dùng có thể mua được nhiều hàng

Người tiêu dùng ngày càng nghèo đi

Chi phí sản xuất tăng lên

3. Trong nền sản xuất hàng hoá, quy luật giá trị:

Chỉ đúng trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản

Là quy luật riêng của chủ nghĩa tư bản

Là quy luật kinh tế chung trong mọi nền kinh tế trong lịch sử

Là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất, trao đổi hàng hoá

4. Quy luật cung – cầu tác động:

Điều tiết quan hệ sản xuất và lưu thông hàng hoá

Làm thay đổi cơ cấu, quy mô thị trường

Ảnh hưởng đến giá cả hàng hoá

Tất cả các đáp án trên

5. Yếu tố xoay quanh giá trị thị trường là:

Giá cả hàng hoá

Cung – cầu

Sức mua của đồng tiền

Giá trị sử dụng

6. Giá cả của hàng hóa được thể hiện thế nào khi cung < cầu?

Giá cả = giá trị

Giá cả > giá trị

Giá cả < giá trị

Giá cả không liên quan đến giá trị

7. Qui luật kinh tế cơ bản nhất của sản xuất hàng hóa là:

Qui luật cung – cầu

Qui luật cạnh tranh

Qui luật giá trị

Qui luật lưu thông tiền tệ

8. Qui luật lưu thông tiền tệ sẽ xác định:

Lượng hàng hóa cần bán của thị trường

Lượng tiền tệ cần thiết cho lưu thông

Mức lãi suất

Tỷ giá hối đoái của tiền tệ

9. Quy luật kinh tế điều tiết một cách khách quan mối quan hệ ganh đua kinh tế giữa các chủ thể trong sản xuất và trao đổi hàng hoá, là qui luật:

Qui luật lưu thông tiền tệ.

Qui luật giá trị.

Qui luật cạnh tranh.

Qui luật cung – cầu.

10. Đảm bảo tính công bằng, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng, khắc phục những khuyết tật của thị trường, là vai trò của:

Người sản xuất

Nhà nước

Người tiêu dùng

Các chủ thể trung gian

**Chương 3**

3.1

1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư là do:

Tài buôn bán của các nhà tư bản

Hàng hóa sức lao động tạo thành

Vốn đầu tư của chủ tư bản sinh ra

Máy móc tạo ra

2. Để sức lao động trở thành hàng hóa cần điều kiện gì?

Xã hội chia thành người đi bóc lột và người bị bóc lột

Người lao động được tự do về thân thể và không có đủ tư liệu sản xuất cần thiết

Sản xuất hàng hóa phát triển tới mức có thể mua và bán người lao động trên thị trường

Phân công lao động xã hội phát triển đến mức một số lĩnh vực sản xuất không đủ lượng lao động và Phải thuê thêm công nhân

3. Tỷ suất giá trị thặng dư biểu hiện:

Trình độ bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê

Quy mô bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê

Tính chất bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê

Phạm vi bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê

4. Khối lượng giá trị thặng dư biểu hiện:

Trình độ bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê

Quy mô bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê

Tính chất bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê

Phạm vi bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê

5. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và tương đối đều làm giảm giá trị sức lao động. Nhận định trên đúng hay sai?

Đúng

Sai

6. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và tương đối đều làm tăng tỉ suất giá trị thặng dư. Nhận định trên đúng hay sai?

Đúng

Sai

7. Giá trị thặng dư là:

Do tư bản khả biến trực tiếp tạo ra

Do tư bản bất biến trực tiếp tạo ra

Do nhà tư bản có được khi buôn bán

Cả 3 Phương án trên

8. Nội dung nào dưới đây là không đúng khi xem xét phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối?

Giá trị sức lao động không đổi

Thời gian lao động cần thiết thay đổi

Ngày lao động thay đổi

Thời gian lao động thặng dư thay đổi

9. Giá trị thặng dư trong sản xuất tư bản là:

Giá trị sức lao động của người công nhân làm thuê cho chủ tư bản

Giá trị mới được tạo ra trong quá trình sản xuất hàng hóa

Bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra

Giá trị bóc lột được do nhà tư bản trả tiền công thấp hơn giá trị sức lao động của công nhân

3.2

1. Xét đến cùng lợi nhuận thương nghiệp có nguồn gốc:

Chỉ do lưu thông

Do tài buôn bán

Từ giá trị thặng dư tạo ra trong quá trình sản xuất hàng hóa

Từ giá trị thặng dư tạo ra trong quá trình lưu thông hàng hóa

2. Lợi nhuận bằng giá trị thặng dư khi:

Giá cả = giá trị

Giá cả > giá trị

Giá cả < giá trị

Không phương án nào đúng

3. Lợi nhuận là:

Là phạm trù lịch sử

Kí hiệu là p

Là biểu hiện bên ngoài của giá trị thặng dư

Cả 3 Phương án trên

4. Tỷ suất lợi nhuận phản ánh:

Trình độ bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê

Quy mô bóc lột của tư bản đối với lao động làm thuê

Khả năng sinh lời của vốn tư bản

Phạm vi bóc lột của tư bản

5. Nguyên nhân nào dẫn đến bình quân hóa lợi nhuận?

Cạnh tranh giữa các nước

Cạnh tranh trong nội bộ ngành

Cạnh tranh giữa các ngành

Cạnh tranh giữa các khu vực

6. Tích lũy tư bản:

Là tiết kiệm chi tiêu của nhà tư bản và đem vào sản xuất

Là việc hợp nhất vốn của các nhà tư bản để mở rộng sản xuất

Là sự chuyển hóa một phần giá trị thặng dư thành tư bản

Cả 3 phương án đều đúng ​

7. Yếu tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy:

Trình độ khai thác sức lao động

Năng suất lao động xã hội

​ Sử dụng hiệu quả máy móc

Cả 3 phương án đều đúng

8. Công thức tính tỉ suất lợi nhuận:

p’ = p/c.100%

p’ = p/(c+v).100%

p’ = p/(v).100%

p’ = c/p.100%

9. Tích lũy tư bản:

Biến một phần giá trị thặng dư thành tư bản phụ thêm

Tích lũy tiền cho nhà tư bản sau các vòng quay của vốn

Quy mô tư bản ngày càng lớn

Tất cả đều sai

10. Hình thức nào không phải là biểu hiện của giá trị thặng dư?

Lợi nhuận

Lợi tức

Địa tô

Tiền lương

**Chương 4**

1. Các tổ chức độc quyền xuất hiện vào giai đoạn nào ?

Từ giữa thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVII

Từ giữa thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVII

Từ nửa cuối thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XVIII

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

2. Sự hình thành các tổ chức độc quyền dựa trên cơ sở trực tiếp là :

Sản xuất nhỏ phân tán

Tích tụ tập trung sản xuất và sự ra đời của các xí nghiệp quy mô lớn

Sự xuất hiện của các thành tựu khoa học xã hội hiện đại

Sự hoàn thiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ​

3. Đâu không phải là nguyên nhân hình thành các tổ chức độc quyền ?

Do sự phát triển của lực lượng sản xuất

Do khủng hoảng và sự phát triển của các tổ chức tín dụng

Do cạnh tranh tự do

Do nhà nước xã hội chủ nghĩa

4. Hãy chỉ ra tác động tiêu cực của độc quyền?

Thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật

Góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn hiện đại

Tăng năng suất lao động

Phá vỡ cạnh tranh hoàn hảo gây thiệt hại cho người tiêu dùng và xã hội.

5. Hãy chỉ ra tác động tiêu cực của độc quyền

Tạo ra khả năng to lớn trong việc nghiên cứu và triển khai các hoạt động khoa học kỹ thuật

Độc quyền có thể kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của bản thân các tổ chức độc quyền.

Tạo ra sức mạnh kinh tế góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn hiện đại

6. Hãy chỉ ra tác động tích cực của độc quyền ?

Độc quyền tạo ra khả năng to lớn trong việc nghiên cứu và triển khai các hoạt động khoa học kỹ thuật, thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật

Độc quyền xuất hiện phá vỡ cạnh tranh hoàn hảo gây thiệt hại cho người tiêu dùng và xã hội

Độc quyền có thể kìm hãm tiến bộ kỹ thuật, theo đó kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội

Độc quyền chi phối các quan hệ kinh tế, xã hội, làm tăng sự phân hóa giàu nghèo

7. Hãy chỉ ra nhận định đúng về chủ nghĩa tư bản độc quyền ?

Độc quyền không có khả năng và không bành trướng sang các lĩnh vực chính trị, xã hội

Không kết hợp với các nhân viên chính phủ để thực hiện mục đích lợi ích nhóm

Kết hợp với nhà nước hình thành độc quyền nhà nước chi phối quan hệ, đường lối đối nội và đối ngoại của quốc gia

Không vì lợi ích của các tổ chức độc quyền, vì lợi ích của đại đa số nhân dân lao động.

8. Nhận định nào sau đây là đúng ?

Đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư 100% vốn của chủ sở hữu để kinh doanh.

Đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư góp vốn liên doanh với các xí nghiệp để kinh doanh.

Đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư, trong đó chủ sở hữu tư bản trực tiếp mở ra các doanh nghiệp ở các nước xuất khẩu tư bản để kinh doanh.

Đầu tư trực tiếp là hình thức xuất khẩu tư bản để xây dựng những xí nghiệp mới hoặc mua lại những xí nghiệp đang hoạt động ở những nước nhận đầu tư để trực tiếp kinh doanh thu lợi nhuận cao.

9. Nhận định nào sau đây là đúng ?

Đầu tư gián tiếp là hình thức đầu tư vào các hoạt động mua cổ phiếu

Đầu tư gián tiếp là hình thức đầu tư thông qua việc cho vay để thu lợi tức, mua cổ phiếu, trái phiếu các giấy tờ có giá khác, quỹ đầu tư chứng khoán và thông qua các định chế tài chính trung gian khác mà nhà đầu tư không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư

Đầu tư gián tiếp là hình thức đầu tư thông qua việc sản xuất kinh doanh để thu lợi nhuận.

Đầu tư gián tiếp là hình thức đầu tư thông qua quỹ đầu tư chứng khoán

10. Nhận định nào sau đây là đúng ?

Các nhà tài phiệt chi phối toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị của toàn xã hội

Các nhà tài phiệt chỉ chi phối hoạt động kinh tế của xã hội

Các nhà tài phiệt chỉ chi phối hoạt động chính trị của xã hội

Các nhà tài phiệt hoàn toàn không chi phối đời sống kinh tế, chính trị của xã hội

**Chương 5**

5.1

1. Lựa chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong câu sau:Nền kinh tế vận hành theo các…(1)…của thị trường, đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh,…(2)…,văn minh; có sự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam …(3) là nội dung thể hiện khái niệm nào dưới đây?

(1) nguyên tắc; (2) công bằng, dân chủ; (3) lãnh đạo

(1) quy luật; (2) công bằng, dân chủ; (3) quản lí

(1) quy luật; (2) dân chủ, công bằng; (3) lãnh đạo

(1) nguyên tắc; (2) dân chủ, công bằng; (3) lãnh đạo

2. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế:

Có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế

Có một hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế

Có nhiều hình thức sở hữu, một thành phần kinh tế

Có hai hình thức sở hữu, hai thành phần kinh tế

3. Đặc trưng nào phản ánh thuộc tính quan trọng mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam?

Về mục tiêu

Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội

Về quan hệ phân phối

Về quan hệ quản lý nền kinh tế

4. Hệ thống quy tắc, luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế là nội dung thể hiện khái niệm nào dưới đây?

Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu giai cấp

Thể chế kinh tế

Thể chế chính trị

5. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với sự hoạt động kinh tế của các chủ thể, hướng tới góp phần xác lập một hệ giá trị toàn diện bao gồm:

Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Phát triển, bình đẳng, dân chủ, đoàn kết, văn minh

Dân giàu, tự chủ, tự do, công bằng, hiệu quả

Hiệu quả, chất lượng, năng suất, tiến bộ, văn minh

6. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu ở Việt Nam không xuất phát từ những lý do cơ bản nào dưới đây?

Sự phù hợp với xu hướng phát triển khách quan của Việt Nam trong bối cảnh thế giới hiện nay.

Do tính ưu việt của kinh tế thị trường trong thúc đẩy phát triển Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sự phù hợp với nguyện vọng mong muốn dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh của người dân Việt Nam.

Do xu hướng tự khắc phục các thất bại và khuyết tật của thị trường, không cần sự can thiệp của Nhà nước.

7. Sở hữu phản ánh việc chiếm hữu các yếu tố nào dưới đây?

Quá trình sản xuất và kết quả của lao động

Quá trình trao đổi và kết quả của lao động

Các nguồn lực của sản xuất và kết quả của lao động

Các nguồn lực đầu vào và tổ chức quản lí sản xuất

8. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thành phần kinh tế nào dưới đây giữ vai trò chủ đạo?

Kinh tế tập thể

Kinh tế nhà nước

Kinh tế tư nhân

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

9. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thành phần kinh tế nào là một động lực quan trọng của nền kinh tế quốc dân?

Kinh tế tư nhân

Kinh tế nhà nước

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Kinh tế tập thể

10. Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

mang các đặc trưng chung vốn có của kinh tế thị trường nói chung, không bao hàm các đặc trưng riêng của Việt Nam.

vừa bao hàm đầy đủ các đặc trưng chung vốn có của kinh tế thị trường nói chung vừa có những đặc trưng riêng của Việt Nam.

không bao hàm đầy đủ các đặc trưng chung vốn có của kinh tế thị trường và có những đặc trưng riêng của Việt Nam.

chỉ bao hàm các đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5.2

1. Các cá nhân, tổ chức hoạt động trong cùng ngành, cùng lĩnh vực, liên kết với nhau trong hành động để thực hiện tốt hơn lợi ích riêng (lợi ích cá nhân, tổ chức) của họ hình thành nên:

“lợi ích nhóm”

“lợi ích tập thể”

“lợi ích xã hội”

“lợi ích cá nhân”

2. Các cá nhân, tổ chức hoạt động trong các ngành, lĩnh vực khác nhau nhưng có mối liên hệ với nhau, liên kết với nhau trong hành động để thực hiện tốt hơn lợi ích riêng của mình hình thành nên:

“đồng lợi ích”

“nhóm lợi ích”

tổng lợi ích”

“lợi ích nhóm”

3. Lợi ích kinh tế của người sử dụng lao động thu được trong quá trình kinh doanh là:

chi phí

lợi nhuận

đầu tư

uy mô

4. Khi bán sức lao động, người lao động nhận được tiền lương (hay tiền công) và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động là nội dung thể hiện cho quan hệ lợi ích kinh tế nào dưới đây?

Quan hệ lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động

Quan hệ lợi ích giữa những người sử dụng lao động

Quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích xã hội

Quan hệ giữa lợi ích giữa những người lao động

5. Hình thức lợi ích nào là cơ sở thúc đẩy sự phát triển của các lợi ích khác?

Lợi ích xã hội

Lợi ích công cộng

Lợi ích tập thể

Lợi ích kinh tế

6. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống: “Việc theo đuổi những lợi ích kinh tế không chính đáng, không hợp lý, không hợp pháp sẽ…….”

Đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế - xã hội

Gây trở ngại cho sự phát triển kinh tế - xã hội

Đem lại lợi ích kinh tế hợp pháp cho các chủ thể

Tạo ra động lực cho sự phát triển của các doanh nghiệp

7. Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về vai trò của lợi ích kinh tế đối với các chủ thể kinh tế - xã hội?

Lợi ích kinh tế là động lực gián tiếp của các chủ thể và hoạt động kinh tế - xã hội; là cơ sở thúc đẩy sự phát triển các lợi ích khác.

Lợi ích kinh tế mang tính chủ quan và phụ thuộc vào sự phát triển của các lợi ích khác.

Lợi ích kinh tế là động lực gián tiếp của các chủ thể và hoạt động kinh tế - xã hội; là động lực mạnh mẽ để phát triển kinh tế - xã hội.

Lợi ích kinh tế là động lực trực tiếp của các chủ thể và hoạt động kinh tế - xã hội; là cơ sở thúc đẩy sự phát triển các lợi ích khác.

8. Sự thỏa mãn nhu cầu của con người mà sự thỏa mãn nhu cầu này phải được nhận thức và đặt trong mối quan hệ xã hội ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội đó là nội dung thể hiện khái niệm nào dưới đây?

Lợi ích

Giá trị sử dụng

hu cầu

Hưởng thụ

9. Nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn giữa các lợi ích kinh tế là

Đặt lợi ích của doanh nghiệp lên trên hết, khi có mâu thuẫn thì các bên tự hòa giải.

Đặt lợi ích của nhóm lên trên hết, không nhân nhượng và không có sự tham gia của các bên.

Phải có sự tham gia của các bên liên quan, có nhân nhượng và đặt lợi ích của đất nước lên trên hết.

Phải có sự tham gia của các bên liên quan, không nhân nhượng và đặt lợi ích của cá nhân lên trên hết.

10. Vai trò của Nhà nước trong việc bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích không thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế.

Gia tăng xung đột lợi ích giữa cá nhân - doanh nghiệp - xã hội.

Kiểm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội.

Giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế.

**Chương 6**

6.1

Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất khởi phát ở quốc gia nào dưới đây?

​ Pháp

Anh

Đức

Mỹ

2. Quá trình chuyển đổi nền sản xuất xã hội từ dựa trên lao động thủ công là chính sang nền sản xuất xã hội dựa chủ yếu trên lao động bằng máy móc nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

Công nghiệp hóa

Hiện đại hóa

Tăng trưởng kinh tế

Phát triển kinh tế

3. Quốc gia nào dưới đây tiêu biểu cho mô hình công nghiệp hóa cổ điển?

Anh

Nhật Bản

Hàn Quốc

Đức

4. C. Mác đã khái quát tính quy luật của cách mạng công nghiệp lần thứ nhất qua ba giai đoạn phát triển lần lượt là

Hiệp tác giản đơn, đại công nghiệp và công trường thủ công

Công trường thủ công, hiệp tác giản đơn và đại công nghiệp

Hiệp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp

Đại công nghiệp, hiệp tác giản đơn và công trường thủ công

5. Cách mạng số, gắn với sự phát triển và phổ biến của internet kết nối vạn vật với nhau (Internet of Things - IoT) là cơ sở hình thành của cuộc cách mạng nào dưới đây?

Cách mạng công nghiệp lần thứ 1

Cách mạng công nghiệp lần thứ 2

Cách mạng công nghiệp lần thứ 3

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4

6. Các nước công nghiệp mới (NICs) trung bình mất khoảng bao nhiêu năm để thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa?

Khoảng 10 đến 15 năm

Khoảng 20 đến 30 năm

Khoảng 30 đến 40 năm

Khoảng 60 đến 80 năm

7. Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs) đã sử dụng con đường nào dưới đây để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa?

Đầu tư nghiên cứu, chế tạo và hoàn thiện dần dần từ trình độ thấp đến trình độ cao

Tiếp nhận đầu tư công nghệ hiện đại từ các nước phát triển hơn

Xây dựng chiến lược phát triển khoa học - công nghệ nhiều tầng, kết hợp cả công nghệ truyền thống và công nghệ hiện đại

Thực hiện công nghiệp hóa tách rời với hiện đại hóa, ưu tiên đầu tư các ngành công nghiệp nặng

8. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có sự xuất hiện các công nghệ mới nào dưới đây?

Công nghệ thông tin và máy tính

Trí tuệ nhân tạo, big data, in 3D

Động cơ điện, động cơ đốt trong

Ngành chế tạo ôtô, điện thoại

9. Nguồn vốn chủ yếu để công nghiệp hóa ở các nước tư bản cổ điển không đến từ nguồn nào dưới đây?

Khai thác lao động làm thuê

Làm phá sản những người sản xuất nhỏ trong nông nghiệp

Nhận viện trợ từ các quốc gia phát triển

Xâm chiếm và cướp bóc thuộc địa

10. Quốc gia nào dưới đây lựa chọn mô hình công nghiệp hóa rút ngắn?

Anh

Đức

Liên Xô

Hàn Quốc

6.2

1. Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)vào năm nào?

2004

2005

2006

2007

2. Một trong những tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đối với nước ta là:

Tạo cơ hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tạo điều kiện để thúc đẩy hội nhập của các lĩnh vực văn hóa, chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng

Mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học - công nghệ, vốn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước

Làm gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài

3. Nội dung nào dưới đây không phải là tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế?

Tạo điều kiện mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ, vốn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước

Làm gia tăng sự cạnh tranh gay gắt khiến nhiều doanh nghiệp và ngành kinh tế gặp khó khăn

Tạo điều kiện để thúc đẩy hội nhập của các lĩnh vực văn hóa, chính trị, củng cố an ninh quốc phòng

Tạo cơ hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

4. Nhận định nào dưới đây không đúng khi nói về hội nhập kinh tế quốc tế?

Hội nhập kinh tế quốc tế là phương thức phát triển phổ biến của các nước.

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng phát triển riêng của các nước lớn trên thế giới.

Hội nhập kinh tế quốc tế tạo ra cơ hội để các quốc gia giải quyết những vấn đề toàn cầu đã và đang xuất hiện ngày càng nhiều.

Hội nhập kinh tế quốc tế là con đường có thể giúp cho các nước đang và kém phát triển thu hẹp khoảng cách với các nước tiên tiến.

5. Trong hội nhập quốc tế toàn diện, chủ thể nào dưới đây được xem là lực lượng nòng cốt?

Nhà nước

Người dân

Doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân

Doanh nghiệp và đội ngũ trí thức

6. Nội dung nào dưới đây không phải là tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế?

Làm gia tăng cạnh tranh gay gắt khiến nhiều doanh nghiệp và ngành kinh tế nước ta gặp khó khăn trong phát triển, thậm chí phá sản

Làm gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài.

Tạo điều kiện để thúc đẩy hội nhập của các lĩnh vực văn hóa, chính trị, củng cố an ninh quốc phòng.

Có thể tạo ra một số thách thức với quyền lực nhà nước, chủ quyền quốc gia.

7. Lựa chọn từ ngữ phù hợp để điền vào chỗ chấm trong câu sau: Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện …(1)……. nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự ……(2)………..lợi ích, đồng thời tuân thủ các ……(3)…… quốc tế chung.

(1) gắn kết, (2) chia sẻ, (3) chuẩn mực

(1) hòa nhập, (2) hợp nhất, (3) chuẩn mực

(1) gắn kết, (2) hợp nhất, (3) chuẩn mực

(1) hòa nhập, (2) chia sẻ, (3) chuẩn mực

8. Nội dung nào dưới đây không phải là biện pháp mà nước ta cần thực hiện để xây dựng thành công nền kinh tế độc lập, tự chủ đi đôi với tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế?

Hoàn thiện, bổ sung đường lối chung và đường lối kinh tế, xây dựng và phát triển đất nước.

Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các nước phát triển trên thế giới bằng mọi giá.

Đẩy mạnh quan hệ kinh tế đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế bằng đổi mới, hoàn thiện thể chế kinh tế, hành chính.

9. Lựa chọn các từ thích hợp dưới đây để điền vào chỗ chấm:Nền kinh tế độc lập, tự chủ là nền kinh tế không bị …(1)…., phụ thuộc vào nước khác, người khác hoặc vào một tổ chức kinh tế nào đó về đường lối, chính sách phát triển, không bị bất cứ ai dùng những điều kiện kinh tế, tài chính, thương mại, viện trợ…để …(2)……, khống chế làm tổn hại …(3)….. quốc gia và …(4)…. cơ bản của dân tộc.

(1) khống chế; (2) áp đặt; (3) lợi ích; (4)chủ quyền

(1) lệ thuộc; (2) chi phối; (3) chủ quyền; (4) lợi ích

(1) lệ thuộc; (2) áp đặt; (3) chủ quyền; (4) lợi ích

(1) khống chế; (2) chi phối; (3) lợi ích; (4) chủ quyền

10. Khẳng định nào dưới đây là đúng khi nói về hội nhập kinh tế quốc tế?

Chỉ những nước phát triển mới đủ điều kiện tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Các nước đang và kém phát triển không nên tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng chung của tất cả các nước trên thế giới.

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng riêng của các nước đang và kém phát triển.